

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2021

Số: 9454/TB-ĐHNL-TS2021

THÔNG BÁO

(Xét tuyển bổ sung dành cho thí sinh thuộc diện được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021 theo Quy định của Bộ GD&ĐT)

Căn cứ Công văn số 3190/BGDĐT-GDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh năm 2021 trong tình hình dịch Covid-19;

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thông báo xét tuyển bổ sung dành cho thí sinh thuộc diện được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021 theo Quy định của Bộ GD&ĐT như sau:

1. Đối tượng, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh là học sinh được Bộ GD&ĐT xét đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021, không trúng tuyển các phương thức tuyển sinh khác của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước

1.3 Phương thức tuyển sinh

1.3.1 Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của 05 học kỳ bậc THPT (từ học kỳ 1 năm lớp 10 đến học kỳ 1 năm lớp 12). Điểm mỗi môn trong tổ hợp môn xét tuyển là trung bình cộng điểm tổng kết 5 học kỳ của môn đó (làm tròn đến 2 chữ số thập phân).

Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển: điểm của mỗi môn trong tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 6.0 trở lên và tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển phải cao hơn hoặc bằng điểm sàn quy định trong Mục 2.1. *gk*

1.3.2 Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2021

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐGNL – ĐHQG TP. HCM) năm 2021 và điểm thi phải cao hơn hoặc bằng điểm sàn quy định ở Mục 2.2.

1.4 Tổng chỉ tiêu xét tuyển dành cho thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT 2021

150 chỉ tiêu cho tất cả các ngành, ở cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh và hai Phân hiệu.

2. Điểm sàn xét tuyển các ngành hệ đại học chính quy dành cho thí sinh thuộc diện được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021

2.1 Điểm sàn xét tuyển trên kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ)

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm sàn học bạ
01	Chăn nuôi	7620105	A00, B00, D07, D08	20,0
02	Thú y	7640101	A00, B00, D07, D08	26,5
03	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	A00, A01, D07	21,0
04	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, D07	21,0
05	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	A00, A01, D07	20,0
06	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	A00, A01, D07	20,0
07	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D07	25,0
08	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, D07	22,0
09	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	A00, A01, B00, D07	24,0
10	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A01, B00, D08	24,0
11	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D07	24,0
12	Công nghệ sinh học	7420201	A00, A02, B00	26,0
13	Kế toán	7340301	A00, A01, D01	24,0
14	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	A00, A01, D01	20,0
15	Kinh tế	7310101	A00, A01, D01	22,0

16	Phát triển nông thôn	7620116	A00, A01, D01	19,0
17	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01	24,0
18	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	A00, A01, B00, D01	19,0
19	Lâm học	7620201	A00, B00, D01, D08	19,0
20	Lâm nghiệp đô thị	7620202	A00, B00, D01, D08	19,0
21	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	A00, B00, D01, D08	19,0
22	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	A00, B00, D07, D08	20,0
23	Hệ thống thông tin	7480104	A00, A01, D07	20,0
24	Khoa học môi trường	7440301	A00, A01, B00, D07	20,0
25	Kỹ thuật môi trường	7520320	A00, A01, B00, D07	20,0
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00, A01, B00, D07	21,0
27	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	A00, B00, D01, D08	19,0
28	Ngôn ngữ Anh (*)	7220201	A01, D01, D14, D15	25,0
29	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp (**)	7140215	A00, A01, B00, D08	24,0
30	Bảo vệ thực vật	7620112	A00, B00, D08	22,0
31	Nông học	7620109	A00, B00, D08	22,0
32	Bất động sản	7340116	A00, A01, A04, D01	20,0
33	Quản lý đất đai	7850103	A00, A01, A04, D01	21,0
34	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	A00, B00, D07, D08	20,0
35	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00, B00, D07, D08	20,0
Chương trình tiên tiến				
36	Thủy	7640101T	A00, B00, D07, D08	26,5
37	Công nghệ thực phẩm	7540101T	A00, A01, B00, D08	24,0
Chương trình chất lượng cao				
38	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201C	A00, A01, D07	20,0
39	Công nghệ thực phẩm	7540101C	A00, A01, B00, D08	24,0

VA
HƯỚNG
DẪN
ĐỌC
KHOẢNG
CÁCH
ĐỌC

8/1

40	Công nghệ sinh học	7420201C	A01, D07, D08	23,0
41	Quản trị kinh doanh	7340101C	A00, A01, D01	22,0
42	Kỹ thuật môi trường	7520320C	A00, A01, B00, D07	20,0

NLG – Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Gia Lai

01	Thú y	7640101G	A00, B00, D07, D08	16,00
02	Công nghệ thông tin	7480201G	A00, A01, D07	15,00
03	Công nghệ thực phẩm	7540101G	A00, A01, B00, D08	15,00
04	Kế toán	7340301G	A00, A01, D01	15,00
05	Quản trị kinh doanh	7340101G	A00, A01, D01	15,00
06	Lâm học	7620201G	A00, B00, D01, D08	15,00
07	Nông học	7620109G	A00, B00, D08	15,00
08	Quản lý đất đai	7850103G	A00, A01, A04, D01	15,00

NLN – Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Ninh Thuận

01	Thú y	7640101N	A00, B00, D07, D08	16,00
02	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007N	A00, A01, D07	15,00
03	Công nghệ thông tin	7480201N	A00, A01, D07	15,00
04	Kế toán	7340301N	A00, A01, D01	15,00
05	Quản trị kinh doanh	7340101N	A00, A01, D01	15,00
06	Ngôn ngữ Anh	7220201N	A01, D01, D14, D15	15,00
07	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002N	A00, B00, D01, D08	15,00
08	Nông học	7620109N	A00, B00, D08	15,00
09	Quản lý đất đai	7850103N	A00, A01, A04, D01	15,00
10	Nuôi trồng thủy sản	7620301N	A00, B00, D07, D08	15,00

+ **Tổ hợp môn xét tuyển:** A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); A02 (Toán, Vật lý, Sinh học); B00 (Toán, Hóa học, Sinh học); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh); D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh); D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh); D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh). 

+ **Điểm xét tuyển:** Là tổng của điểm trung bình 05 học kỳ của 03 môn lập thành tổ hợp môn xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có) để xét tuyển.

(*) Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Môn chính là Tiếng Anh (nhân hệ số 2), điểm xét tuyển được quy về hệ điểm 30 dành cho tổ hợp môn xét tuyển.

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = $[(\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + (\text{Điểm Tiếng Anh} \times 2))/4 \times 3] + \text{điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có)}$, được làm tròn theo quy định của Bộ GD-ĐT

(**) Đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp: Điều kiện để được xác nhận trúng tuyển ngoài thỏa điểm chuẩn đã công bố còn đồng thời thỏa mãn điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của GD-ĐT.

2.2 Điểm sàn dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TP. HCM

STT	Ngành học	Mã ngành	Điểm sàn ĐGNL
01	Chăn nuôi	7620105	746
02	Thú y	7640101	800
03	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	706
04	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	700
05	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	744
06	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	740
07	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	731
08	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	720
09	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	703
10	Công nghệ thực phẩm	7540101	750
11	Công nghệ thông tin	7480201	750
12	Công nghệ sinh học	7420201	707
13	Kế toán	7340301	712
14	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	741
15	Kinh tế	7310101	730

16	Phát triển nông thôn	7620116	700
17	Quản trị kinh doanh	7340101	705
18	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	722
19	Lâm học	7620201	700
20	Lâm nghiệp đô thị	7620202	700
21	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	700
22	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	706
23	Hệ thống thông tin	7480104	700
24	Khoa học môi trường	7440301	797
25	Kỹ thuật môi trường	7520320	726
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	700
27	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	700
28	Ngôn ngữ Anh	7220201	750
29	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215	763
30	Bảo vệ thực vật	7620112	732
31	Nông học	7620109	740
32	Bất động sản	7340116	715
33	Quản lý đất đai	7850103	733
34	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	700
35	Nuôi trồng thủy sản	7620301	714
Chương trình tiên tiến			
36	Thú y	7640101T	800
37	Công nghệ thực phẩm	7540101T	750
Chương trình chất lượng cao			
38	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201C	700
39	Công nghệ thực phẩm	7540101C	750



3/2

40	Công nghệ sinh học	7420201C	715
41	Quản trị kinh doanh	7340101C	722
42	Kỹ thuật môi trường	7520320C	726
NLG – Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Gia Lai			
01	Thú y	7640101G	750
02	Công nghệ thông tin	7480201G	700
03	Công nghệ thực phẩm	7540101G	700
04	Kế toán	7340301G	700
05	Quản trị kinh doanh	7340101G	700
06	Lâm học	7620201G	700
07	Nông học	7620109G	700
08	Quản lý đất đai	7850103G	700
NLN – Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Ninh Thuận			
01	Thú y	7640101N	750
02	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007N	700
03	Công nghệ thông tin	7480201N	700
04	Kế toán	7340301N	700
05	Quản trị kinh doanh	7340101N	700
06	Ngôn ngữ Anh	7220201N	760
07	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002N	700
08	Nông học	7620109N	700
09	Quản lý đất đai	7850103N	700
10	Nuôi trồng thủy sản	7620301N	700

+ Điểm xét tuyển là Tổng điểm bài thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 + Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng (nếu có)

+ **Đối với ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp**, điều kiện để được xác nhận trúng tuyển ngoài thỏa điểm chuẩn đã công bố còn đồng thời thỏa mãn điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của GD-ĐT.

3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

3.1 Hồ sơ bao gồm + Đơn đề nghị xét tuyển (theo mẫu của trường).

- + Bản sao công chứng Học bạ THPT.
- + Giấy chứng nhận được xét công nhận đặc cách tốt nghiệp năm 2021.
- + Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- + Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.
- + Bản sao công chứng các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- + Bản sao công chứng Sổ hộ khẩu.

3.2 Địa điểm nhận hồ sơ

Thí sinh có thể chọn nộp hồ sơ bằng một trong hai phương thức:

3.2.1 Nộp trực tuyến qua Email

Bước 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <https://xettuyen.hcmuaf.edu.vn/> sau đó in đơn đề nghị xét tuyển;

Bước 2: Thí sinh sử dụng tài khoản Email đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký xét tuyển, gửi toàn bộ bản scan hồ sơ về địa chỉ email: tuyensinh@hcmuaf.edu.vn.

+ **Tiêu đề (Subject):** *Hồ sơ xét tuyển bổ sung dành cho thí sinh thuộc diện được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021*

+ **Nội dung:**

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy năm 2021 – Trường Đại học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh hồ sơ xét tuyển bổ sung dành cho thí sinh thuộc diện được đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021 theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

(đính kèm bản scan đơn đã ký và tài liệu liên quan)

Trân trọng cảm ơn! 



3.2.2 Nộp qua đường bưu điện

Bước 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <https://xettuyen.hcmuaf.edu.vn/> sau đó in đơn đề nghị xét tuyển;

Bước 2: Thí sinh chuẩn bị toàn bộ hồ sơ chuyển qua đường bưu điện

Địa chỉ nhận hồ sơ:

- Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở chính.

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283. 8963350 – 0283.8974716 - 0898.107.460 - 0869.548. 537

Email: pdaotao@hcmuaf.edu.vn;

Website: ts.hcmuaf.edu.vn;

Facebook: NongLamUniversity

- Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Gia Lai.

ĐC: Đường Trần Nhật Duật, Thôn 1, Xã Diên Phú, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

ĐT: 0269.3877.665 - www.phgl.hcmuaf.edu.vn - email: phgl@hcmuaf.edu.vn

- Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận.

Địa chỉ: Số 08, Đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0259.2472.252 - www.phnt.hcmuaf.edu.vn - email: phnt@hcmuaf.edu.vn

3.3 Thời gian đăng ký xét tuyển

Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 25/08/2021 (tính theo dấu bưu điện hoặc ngày gửi mail) *ngt*

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng